

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 74

LUẬN VỀ THẬP MÔN (Phần 4)

Hỏi: Về sao kiến lập Nội xứ và Ngoại xứ, vì dựa vào Pháp hay vì dựa vào Ngã? Giả sử như vậy thì có gì sai? Cả hai đều có sai lầm. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu dựa vào pháp thì pháp không có tác dụng, ở trong tất cả các pháp không có tác dụng, tại sao kiến lập Nội xứ và Ngoại xứ? Nếu dựa vào Ngã thì Ngã không có thật tánh, làm sao dựa vào Ngã mà kiến lập Nội xứ và Ngoại xứ?

Đáp: Chỉ dựa vào pháp mà kiến lập nhưng không phải là tất cả, nghĩa là sáu thức thân là nơi nương tựa của pháp nhiễm-tịnh. Nếu làm sở y cho sáu thức thì gọi là Nội xứ, làm sở duyên thì gọi là Ngoại xứ, cho nên dựa vào pháp mà kiến lập tên gọi Nội xứ và ngoại xứ. Lại nữa, nếu pháp là căn thì kiến lập làm Nội xứ, nếu pháp là nghĩa của căn thì kiến lập làm Ngoại xứ. Lại nữa, nếu pháp là có cảnh thì kiến lập làm Nội xứ, nếu pháp là cảnh thì kiến lập làm nữa, nếu pháp là có cảnh thì kiến lập làm Nội xứ, nếu pháp là cảnh thì kiến lập làm Ngoại xứ. Có người nói: Dựa vào Ngã mà kiến lập Nội xứ và Ngoại xứ, Ngã tức là tâm, bởi vì Ngã chấp nương tựa, cho nên ở trên tâm này tạm thời kiến lập tên gọi của Ngã. Như trong Kinh nói:

“Bởi vì khéo léo điều phục Ngã, người trí được sinh lên cõi trời,
Cần phải khó léo điều phục tâm, tâm điều hòa có thể khiến vui”.

Đã khéo léo điều phục tâm tức là khéo léo điều phục Ngã, cho nên biết trên tâm tạm thời làm Ngoại xứ. Nhưng tên gọi của Nội-Ngoại không phải là viên thành thật, nghĩa là đối với Ngã là Nội thì đối với nơi khác gọi là Ngoại, đối với Ngoại thì đối với nơi khác gọi là Nội, mà tạm thời dựa vào một loại để kiến lập Nội-Ngoại chứ không phải là tên gọi, không phải là không quyết định.

Như trong kinh nói: “Tỳ kheo các ông, đối với sáu xứ bên trong

nên nhận biết đúng như thật”.

Hỏi: Đối với sáu xứ bên ngoài cũng cần phải nhận biết đúng như thật, tại sao Đức Thế Tôn chỉ khuyên nhủ nhận biết xứ bên trong?

Đáp: Bởi vì Đức Thế Tôn muốn khiến cho các hàng đệ tử Thủ uẩn Tĩnh lự nhiều đối với Nội môn, như trong kinh nói: “Tỳ kheo các ông, nên quán xét căn bên trong chứ không nên duyên theo bên ngoài”. Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn khiến cho các hàng đệ tử Thủ uẩn tĩnh lự bên trong không có gì tăng thêm, như trong Kinh nói: “Tỳ kheo các ông, nên Thủ uẩn định bên trong đừng tùy tiện tăng thêm Thường-lạc-ngã-tĩnh; Tỳ kheo các ông, nên Thủ uẩn định bên trong quán sát đúng như thật, các hành vô thường-khổ-không-vô ngã-nhân-tập-sinh-duyên, nhờ vào tám loại hành tướng của Thánh tuệ này, đối với tất cả mọi lúc cần phải quán xét các Hữu”. Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn khiến cho các hàng đệ tử Thủ uẩn tập Tĩnh lự bất cộng đối với bên trong, như Đức Thế Tôn nói: “Tỳ kheo các ông, cần phải Thủ uẩn định bên trong chứ không nên Thủ uẩn tập các Tĩnh lự giống nhau, đó là thô-khổ-chướng-tĩnh-diệu-lý-quán. Tỳ kheo các ông, nên Thủ uẩn định bên trong, nghĩa là cần phải Thủ uẩn tập tĩnh lự bất cộng, quán sát các Hữu như căn bệnh-như ung nhọt-như mũi tên làm cho não hại, vô thường-Hữu-Khổ là không-vô ngã. Do tám loại gây Tâm-Tư thù thắng này, có năng lực phá hủy tất cả Hữu sinh”. Lại nữa, trong kinh này nói: “Chỉ thường xuyên quán sát sáu Xứ bên trong”. Bởi vì bên trong là nơi nương của bên ngoài, cho nên cũng khuyên nhủ quán sát bên trong. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì có Ngã cho nên liền có Ngã sở, có Ngã kiến cho nên có Ngã sở kiến, có năm Ngã kiến cho nên có mười lăm Ngã sở kiến, có Ngã chấp cho nên có Ngã sở chấp, có Ngã si cho nên có Ngã sở si, có Ngã ái cho nên có Ngã sở ái, vì nuôi dưỡng Ngã bên trong cầu tìm vật dụng cung cấp bên ngoài. Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn khiến cho các hàng đệ tử trước tiên Thủ uẩn Niệm trú đối với Nội pháp, nghĩa là người Thủ uẩn hành trước tiên duyên theo Nội pháp Thủ uẩn tập Niệm trú, đã thành tựu đầy đủ rồi mới duyên theo bên ngoài. Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên Đức Thế Tôn chỉ khuyên nhủ nhận biết bên trong.

Như trong kinh nói: “Có sáu nội xứ”. Trong kinh lại nói: “Có sáu xúc xứ”.

Hỏi: Hai loại sáu Xứ này có gì sai biệt?

Đáp: Hoặc có người nói: “Hai loại này không có sai khác. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì sáu Nội xứ tức là sáu xúc xứ, sáu Xúc xứ tức là sáu Nội xứ, thanh tuy có khác mà nghĩa không có sai khác”. Lại có người

nói: “Cũng có sai biệt, đó là ên gọi chính là sai biệt, bởi vì gọi là sáu xứ bên trong-gọi là sáu xúc xứ”.

Lại nữa, các Đồng phần thì gọi là sáu Xúc xứ, pháp không thể sinh gọi là sáu Nội xứ. Lại nữa, có tác dụng của nghiệp thì gọi là sáu Xúc xứ, không có tác dụng của nghiệp thì gọi là sáu nội xứ; hoặc đưa ra cách nói này: Các pháp hiện tại thì gọi là sáu Xúc xứ, pháp quá khứ-vị lai thì gọi là sáu nội xứ. Lại nữa, các pháp đã sinh thì gọi là sáu xúc xứ, pháp chưa ngừng sinh thì gọi là sáu Nội xứ; hoặc đưa ra cách nói này: Quá khứ hiện tại gọi là sáu Xúc xứ, vị lai gọi là sáu Nội xứ. Lại nữa, tâm-tâm sở pháp chính thức tựa vào nhau thì gọi là sáu Xúc xứ, tâm-tâm sở pháp không chính thức tựa vào nhau, chỉ do không mà chuyển thì gọi là sáu Nội xứ. Lại nữa, sáu xứ như nhãn... làm nghĩa sở y của Xúc thì gọi là sáu Xúc xứ, làm nghĩa sở y của tâm-tâm sở pháp khác thì gọi là sáu Nội xứ. Hiếp Tôn giả nói: “Tự thân nhiếp ảnh của sáu xứ như nhãn.. gọi là sáu xứ bên trong hữu ong, nếu có những tác động thì gọi là sáu Xúc xứ; như bát của Tỳ kheo, nếu nói tự tánh thì chỉ gọi là bát, lúc Tỳ kheo sử dụng thì gọi là bát của Tỳ kheo”. Tôn giả Vọng Mãn đưa ra nói như vậy. “Tự Thể của sáu Xứ như nhãn... gọi là sáu Xứ bên trong hữu ong, nếu làm sở y cho Xúc thì gọi là sáu Xúc xứ; như bát bơ bằng thép, nếu nói tự Thể thì chỉ gọi là bát thép, nếu lúc chứa đầy bơ thì gọi là bát bơ bằng thép”.

Hỏi: Sáu Xứ như nhãn... cũng làm nơi nương tựa của Thọ..., vì sao chỉ gọi là Xúc xứ chứ không gọi là Thọ Xứ..?

Đáp: Cũng nên nói là Thọ xứ... mà không đưa ra cách nói này, thì nên biết nghĩa này có khác. Lại nữa, trong kinh nêu ra pháp hơn hẳn bao gồm hiển bày pháp yếu kém, nghĩa là ở trong tất cả tâm-tâm sở pháp, xúc là pháp thù thắng nhất, nếu nói xúc xứ thì nên biết bao gồm hiển bày tên gọi của Thọ xứ... Lại nữa, tâm-tâm sở pháp lấy xúc làm mạng, do xúc mà duy trì-do Xúc mà khiến cho phát sinh, bởi vì lực của Xúc mà có thể hiện rõ trước mắt, cho nên gọi là xúc xứ. Nghĩa là tâm-tâm sở đối với cảnh tản mát khắp nơi, do xúc thân nhiếp giữ gìn làm cho được hòa hợp. Vả lại, nếu không có xúc thì các tâm-tâm sở sẽ giống như xác chết không thể nào tiếp xúc, đối với cảnh sở duyên của mình đều do lực của xúc mà có tác dụng của cảnh tiếp xúc; như có mạng Căn thì thân có thể cảm nhận xúc chạm, vì vậy nhãn... chỉ gọi là Xúc xứ.

Như trong Kinh nói: “Sáu Nội xứ gọi là bờ bên này, sáu Ngoại xứ gọi là bờ bên kia”.

Hỏi: “Sáu Nội xứ-ngoại xứ và bờ bên này-bên kia, có gì tương tự

mà đưa ra cách nói này?

Đáp: Làm sở y-sở duyên cho tâm-tâm sở, có gần-có xa tựa như bờ bên này-bên kia, cho nên đưa ra cách nói này. Như hai bên bờ sông, gần thì gọi là bên này, xa thì gọi là bên kia. Như vậy sáu xứ cùng với tâm-tâm sở, làm sở y là gần cho nên như bờ bên này, làm sở duyên là xa cho nên như bờ bên kia. Lại nữa, tâm-tâm sở này bắt đầu tiến vào rồi vượt qua như bờ bên na-bên kia, cho nên đưa ra cách nói này. Như các hữu tình, bắt đầu tiến vào nơi dòng sông gọi là bờ bên này, đã vượt qua nơi dòng sông gọi là bờ bên kia. Như vậy cùng với tâm-tâm sở pháp, làm sở y thì như bắt đầu tiến vào cho nên gọi là bờ bên này, làm sở duyên thì như đã vượt qua cho nên gọi là bờ bên kia, vì vậy. Nội xứ và Ngoại xứ gọi là bờ bên này-bên kia. Lại nữa, trong kinh nói tịch diệt Niết-bàn gọi là bờ bên kia, Niết-bàn chỉ là do ngoại xứ thâm nhiếp đã gọi là bờ bên kia, cho nên sáu Xứ bên trong có được tên gọi là bờ bên này. Như trong kinh nói: “Tát-ca-da-sinh là bờ bên này, tát-ca-da diệt là bờ bên kia”. Tát-ca-da ấy chính là sinh tử, ở trong sinh tử thì sáu nội xứ là hơn hẳn, cho nên sáu nội xứ có được tên gọi là bờ bên này; sáu Nội xứ đã gọi là bờ bên này, cho nên sáu Ngoại xứ có được tên gọi là bờ bên kia.

Hỏi: Đúng này pháp nào giống như dòng sông, mà nói sáu Nội xứ-Ngoại xứ như bờ bên này-bên kia?

Đáp: Bởi vì tâm-tâm sở pháp giống như dòng sông, cho nên Nội xứ-Ngoại xứ giống như bờ bên này-bên kia. Như có vật theo dòng sông chảy xiết trôi giữa hai bờ, vật hữu tình cùng hưởng về biển rộng; tâm-tâm sở pháp cũng lại như vậy, trôi nổi do Nội xứ-ngoại xứ thâm nhiếp, hữu tình cùng hưởng về biển rộng của sinh lão bệnh tử.

Hỏi: Ở giữa dòng sông này thì cái gì làm thuyền bè?

Đáp: Tám chi Thánh đạo giống như có thuyền bè, là nơi nương tựa của trăm ngàn chúng sinh, từ bờ bên này của dòng sông vượt qua đến bờ bên kia, tùy ý dạo chơi khắp nơi. Như vậy vô lượng vô biên hữu tình nương tựa vào Thánh đạo, từ bờ bên này là sinh tử đến bờ bên kia là Niết-bàn, tự tại dạo chơi thưởng thức, cho nên tám Thánh đạo giống như thuyền bè.

Như trong kinh nói: “Có tám Thắng xứ, có mười Biến xứ”.

Hỏi: Tám và mười loại ấy cũng đã gọi là Xứ, tại sao chỉ có mười hai xứ?

Đáp: Tám và mười loại ấy đều thâm nhiếp ở trong mười hai xứ này, nghĩa là tự tánh của nó cùng có tương ứng tức là Ý xứ-Pháp xứ này thâm nhiếp.

Như trong kinh nói: “Có bốn xứ vô Sắc, đó là không vô biên xứ, thức vô biên xứ, vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ”.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn đối với bốn vô Sắc dùng thanh Xứ để nói?

Đáp: Vì phá bỏ cái chấp giải thoát của ngoại đạo, nghĩa là các ngoại đạo chấp bốn vô Sắc là bốn Niết-bàn:

1. Chấp không vô biên xứ gọi là Niết-bàn vô thân.
2. Chấp Thức vô biên xứ gọi là Niết-bàn Vô biên ý.
3. Chấp vô sở hữu xứ gọi là Niết-bàn Tịnh tụ.
4. Chấp Phi tướng phi phi tướng xứ gọi là Niết-bàn Thế gian Tùy-đổ-ba.

Vì phá bỏ chấp trước Niết-bàn của ngoại đạo như vậy, cho nên nói bốn Vô Sắc gọi là nơi sinh chứ không phải là giải thoát thực sự, giải thoát thực sự thì mới gọi là Niết-bàn.

Như trong kinh nói: “Lại có hai xứ:

1. Vô tướng hữu tình xứ.
2. Phi tướng phi phi tướng xứ”.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn nói đến hai Xứ này?

Đáp: Vì phá bỏ cái tưởng giải thoát của ngoại đạo, nghĩa là các ngoại đạo đối với hai xứ này khởi lên cái tưởng về giải thoát, vì phá bỏ cái tưởng ấy cho nên Đức Phật nói hai xứ này gọi là nơi sinh chứ không phải là giải thoát thực sự.

Lại nữa, vì phá bỏ cái tưởng không trở lại của ngoại Đạo, nghĩa là các ngoại đạo đối với hai Xứ này khởi lên cái tưởng không trở lại. Vì phá bỏ cái tưởng ấy cho nên Đức Phật nói hai xứ này gọi là nơi lui sụt trở lại, nghĩa là ở nơi ấy mất đi lui sụt trở lại các cõi-các nẻo-các sinh loại, lưu chuyển trong sinh tử không có hạn lý chấm dứt.

Lại nữa, vì phá bỏ cái tưởng không tan hoại của ngoại đạo, nghĩa là các ngoại đạo chấp hai xứ này là giải thoát thực sự không còn tan hoại, vì phá bỏ cái chấp ấy cho nên Đức Phật nói hai xứ này là nơi tan hoại, nghĩa là từ nơi ấy mất đi rồi phân tán hướng về các cõi-các nẻo-các sinh loại-lưu chuyển trong sinh tử không có hạn kỳ chấm dứt. Nếu từ cõi trời Vô tướng hữu tình mất đi thì quyết định tan hoại rơi vào cõi Dục mà thọ sinh; nếu từ Phi tướng phi phi tướng xứ mất đi, không phải là Thánh thì tan hoại rơi vào địa dưới mà thọ sinh.

Lại nữa, quán xét hai xứ này có thọ lượng lâu dài, các ngoại đạo đều chấp là giải thoát; chỉ là nơi thọ sinh của các dị sinh có thọ lượng lâu dài, không có nơi nào vượt quá cõi trời Vô tướng, nghĩa là thọ lượng

của cõi ấy là năm trăm Đại kiếp; nơi thọ sinh của tất cả hữu tình có thọ lượng lâu dài, không có nơi nào vượt quá Phi tướng phi phi tướng xứ, nghĩa là thọ lượng nơi ấy là tám vạn Đại kiếp. Vì loại trừ cái chấp giải thoát này của ngoại đạo, cho nên Đức Phật nói hai xứ này gọi là nơi sinh chứ không phải là thực sự giải thoát.

Lại nữa, Đức Phật ở nơi khác dùng hai tên gọi mà nói:

1. Gọi là hữu tình cư.
2. Gọi là Thức trú.

Đối với hai xứ này cũng nói đến hai tên gọi:

1. Gọi là Hữu tình cư.
2. Gọi là Xứ.

Vì vậy, đối với hai xứ này dùng thanh xứ mà nói, nghĩa là nơi thọ sinh.

Lại nữa, Đức Phật nói các Thức trú nhất định là hữu tình cư. Có Hữu tình cư mà không phải là Thức trú, nghĩa là hai Xứ này hiển bày rõ ràng chứ không phải là không có Xứ này, cho nên nói tên gọi là Xứ, tức là nghĩa về nơi cư trú của hữu tình.

Như trong Kinh nói: “ Tôn giả Xá-lợi-tử đi đến nơi Đức Phật thưa lời như vậy: Thưa Đại đức Thế Tôn! Thi thiết các Xứ là không có gì cao hơn, đó là mười hai Xứ thâm nhiếp tất cả các pháp. Đây là trí kiến của Đức Thế Tôn chứ không có trí kiến nào khác, vượt qua trí kiến này lại không có pháp nào thấy biết. Nếu có Sa-môn, Bà la môn... hiểu rõ pháp vượt quá Đức Thế Tôn thì điều này không bao giờ có”.

Hỏi: Tôn giả Xá-lợi-tử làm sao có thể biết mười hai xứ thâm nhiếp tất cả các pháp, mà ca ngợi Đức Phật rằng thi thiết các xứ là không có gì cao hơn?

Đáp: Nhờ vào giáo thuyết cho nên biết, nghĩa là Xá-lợi-tử đạt được bốn chứng tịnh, đối với pháp mà Đức Phật đã nói quyết định tin nhận, đã từng nghe Đức Thế Tôn nói mười hai xứ thâm nhiếp tất cả các pháp, do vậy mà biết được.

Hỏi: Tôn giả Xá-lợi-tử đối với mười hai xứ chỉ có trí về giáo thuyết chứ không có trí về chứng đắc chăng?

Đáp: Cũng có trí về chứng đắc, nghĩa là Xá-lợi-tử đối với mười hai xứ cũng có năng lực chứng biết từng Xứ một không trái ngược.

Hỏi: Đức Phật và Xá-lợi-tử đối với mười hai xứ, đều có năng lực chứng biết từng xứ một không trái ngược, vậy thì Đức Phật và Xá-lợi-tử có gì sai biệt?

Đáp: Đức Phật có năng lực đối với pháp của mười hai xứ này,

chứng biệt tự tướng, và cộng tướng của từng xứ một; Tôn giả Xá-lợi-tử đối với pháp pháp của mười hai xứ này, chỉ có năng lực chứng biết cộng tướng của từng Xứ một, đối với tự tướng của nó chưa có năng lực chứng biết đúng như thật theo từng Xứ một, nghĩa là có vô lượng các Xứ sai biệt, đều thâm nhiếp vào trong mười hai xứ này, mà Xá-lợi-tử cần phải có người khác biểu hiện rõ ràng, thì mới có thể biết được. Lại nữa, Tôn giả Xá-lợi-tử đối với mười hai Xứ mà chứng biết từng xứ một là do người khác dạy bảo dẫn dắt; Đức Phật đối với mười hai Xứ, chứng biết từng Xứ một đều do năng lực tự mình giác ngộ chứ không nhờ vào người khác dạy bảo.

Lại nữa, Đức Phật đối với mười hai Xứ, có đủ Nhất thiết trí-Nhất thiết chủng trí; Tôn giả Xá-lợi-tử đối với mười hai Xứ chỉ có Nhất thiết trí, không có nhất thiết chủng trí. Lại nữa, Đức Phật đối với mười hai xứ không dựa vào sáu Thức mà có năng lực chứng biết chỉ có như vậy; Tôn giả Xá-lợi-tử đối với mười hai xứ, cần phải dựa vào sáu Thức mới có thể chứng biết chỉ có như vậy. Nghĩa là Xá-lợi-tử dấy lên ý niệm như vậy: “Tất cả Thức thân chỉ có sáu loại Thức thân chắc chắn có sở y-sở duyên, sở y-sở duyên này chắc chắn có mười hai, cho nên mười hai Xứ không tăng-không giảm”.

Lại nữa, Tôn giả Xá-lợi-tử tuy đối với mười hai Xứ chứng biết từng xứ một, mà cần phải tư duy trước về pháp mà Đức Phật đã nói, nghĩa là trước tiên Đức Phật nói về tên gọi của mười hai xứ, sau đó tùy theo tên gọi này mà phân biệt từng xứ một. Đức Phật Tôn phân biệt mười một Xứ rồi, lúc ấy Xá-lợi-tử ấy lên ý nghĩ như vậy: “Mười một xứ trước đã không thâm nhiếp thì pháp nhất định phải thâm nhiếp ở tại Pháp xứ cuối cùng”. Vì vậy thưa rõ lời này: “Thưa Đại đức Thế Tôn! Thi thiết các các xứ là không có gì cao hơn, đó là mười hai xứ thâm nhiếp tất cả các pháp”. Bởi vì Đức Thế Tôn chứng biết tướng của mười hai xứ, không do tư duy về giáo thuyết của người khác đã nói; Xá-lợi-tử tuy có năng lực chứng biết về tướng của mười hai xứ, mà so với trí Phật thì có sai biệt rất nhiều, cho nên tôn xưng Đức Phật là Vô Thượng Tôn.

Năm Uẩn, đó là Sắc uẩn-Thọ uẩn-Tướng uẩn-hành uẩn-thức uẩn.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì phân biệt rộng về nghĩa trong kinh. Nghĩa là trong kinh nói: “Có năm Uẩn, đó là Sắc uẩn cho đến Thức uẩn”. Tuy nói như vậy mà không giải thích rộng ra, kinh là nơi nương tựa căn bản của lậu này, kinh ấy không giải thích thì nay cần phải giải thích, cho nên soạn ra

phần luận này.

Hỏi: Sắc uẩn là thế nào?

Đáp: Như trong kinh nói: “Các sắc vốn có đều là bốn Đại chủng và do bốn Đại chủng tạo ra”. Kinh khác lại nói: “Thế nào là Sắc uẩn? Đó là các sắc vốn có, hoặc quá khứ-hoặc vị lai-hoặc hiện tại, hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc thô-hoặc tế, hoặc kém-hoặc hơn, hoặc xa-hoặc gần. Như vậy tất cả tóm lược làm thành một tụ gọi là Sắc uẩn, cho đến Thức uẩn nói rộng ra cũng như vậy”. Trong A-tỳ-đạt-ma đưa ra cách nói này: “Thế nào là Sắc uẩn? Đó là mười Sắc xứ và sắc do Pháp xứ thâm nhiếp, thì gọi là sắc uẩn”.

Hỏi: Ba nơi nói như vậy thì nghĩa có gì khác nhau?

Đáp: Đều vì ngăn chặn tông chỉ của người khác đã nói.

Hỏi: Như trong kinh nói: “Các sắc vốn có đều là bốn Đại chủng và bốn Đại chủng tạo ra”. Đây là ngăn chặn tông chỉ nào đã nói?

Đáp: Đây là ngăn chặn luận thuyết của Giác Thiên..., nghĩa là Đức Phật quán sát trong đời vị lai, có Giác Thiên... sẽ đưa ra cách nói này: Ngoài bốn Đại chủng không có sở tạo sai khác. Vì ngăn chặn ý đó cho nên đưa ra cách nói này: Các sắc vốn có đều là bốn Đại chủng và do bốn Đại chủng tạo ra. Hiển bày Đại chủng có sắc được tạo ra.

Hỏi: Kinh khác lại nói: Các sắc vốn có, hoặc quá khứ-hoặc vị lai-hoặc hiện tại, cho đến nói rộng ra”. Đây là ngăn chặn tông chỉ nào đã nói?

Đáp: Đây là ngăn chặn ngoại đạo đã nói, nghĩa là thời Đức Phật tại thế có ngoại đạo xuất gia tên gọi là Trưởng kế, bác bỏ không có quá khứ-vị lai. Vì ngăn chặn ý đó cho nên Đức Thế Tôn nói các sắc vốn có hoặc quá khứ-hoặc vị lai-hoặc hiện tại, cho đến nói rộng ra. Hiển bày có sắc quá khứ-vị lai...

Hỏi: trong A-tỳ-đạt-ma đưa ra lời nói như vậy: “Thế nào là Sắc uẩn? Đó là mười Sắc xứ và sắc do pháp xứ thâm nhiếp”. Đây là ngăn chặn tông chỉ nào đã nói?

Đáp: Đây là ngăn chặn luận thuyết của phái Thí Dụ, nghĩa là phái Thí Dụ bác bỏ không có sắc do Pháp xứ thâm nhiếp. Điều này Tôn giả Pháp Cưu cũng nói: “Các sắc vốn có đều là sở y-sở duyên của năm Thức thân, làm sao là sắc mà không phải là sở y-sở duyên của năm Thức thân?” vì ngăn chặn ý đó cho nên đưa ra cách nói này: Thế nào là Sắc uẩn? Đó là mười Sắc xứ và sắc do Pháp xứ thâm nhiếp.

Hỏi: Nếu các sắc do Pháp xứ thâm nhiếp là thật có, thì Tôn giả Pháp Cưu đã nói nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Không nhất định phải thông hiểu, bởi vì không phải là trong ba Tạng. Nếu nhất định phải thông hiểu thì nên sửa lại cách nói ấy, các sắc vốn có đều là sở y của năm Thức và sở duyên của sáu Thức, sắc do Pháp xứ thâm nhiếp tuy không phải là sở y-sở duyên của năm Thức, mà là sắc do sở duyên của ý thức thâm nhiếp. Lại nữa, sắc do Pháp xứ thâm nhiếp dựa vào bốn Đại chủng mà được sinh khởi, vì vậy từ sở y mà nói là ở trong sở duyên của Thân thức, cho nên Tôn giả ấy nói cũng không sai.

Hỏi: Thọ uẩn là thế nào?

Đáp: Sáu Thọ của thân, nghĩa là nhãn xúc mà sinh ra Thọ, cho đến Ý xúc mà sinh ra Thọ. Trong kinh và A-tỳ-đạt-ma đều đưa ra cách nói này.

Hỏi: Tưởng uẩn là thế nào?

Đáp: Sáu Tưởng của thân, nghĩa là nhãn xúc mà sinh ra Tưởng, cho đến Ý xúc mà sinh ra Tưởng. Trong kinh và A-tỳ-đạt-ma đều đưa ra cách nói này.

Hỏi: Hành uẩn là thế nào?

Đáp: Trong kinh nói đây là sáu Tư của thân, nghĩa là Nhãn xúc mà sinh ra Tư, cho đến Ý xúc mà sinh ra Tư. Trong A-tỳ-đạt-ma nói Hành uẩn này tóm lược có hai loại, đó là tương ứng hành và bất tương ứng hành, cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn ở trong Hành uẩn tương ứng-bất tương ứng, chỉ nói đến Tư là Hành uẩn chứ không phải là Hành khác?

Đáp: Tư ở trong pháp thi thiết Hành uẩn là đứng đầu bậc nhất, Tư có thể dẫn dắt-thâm nhiếp-nuôi lớn các Hành, cho nên Đức Phật chỉ nói đến Tư; như Ái trong pháp thi thiết Tập đế là đứng đầu bậc nhất, Ái có thể dẫn dắt-thâm nhiếp-nuôi lớn các Tập, cho nên Đức Phật chỉ nói về Ái. Lại nữa, tạo tác hữu vi cho nên gọi là Hành; Tư là tánh tạo tác, pháp khác thì không như vậy, cho nên Đức Phật chỉ nói Tư là Hành uẩn.

Hỏi: Thức uẩn là thế nào?

Đáp: Sáu Thức của thân, nghĩa là Nhãn thức cho đến Ý thức. Trong kinh và A-tỳ-đạt-ma đều đưa ra cách nói này.

Như vậy gọi là bốn tánh tương phần-tự Thể ngã vật-tự tánh của các uẩn.

Đã nói về tự tánh, nay sẽ nói đến nguyên cố.

Hỏi: Vì sao gọi là Uẩn, uẩn là nghĩa gì?

Đáp: nghĩa về tụ là nghĩa của uẩn, nghĩa về hợp là nghĩa của Uẩn, nghĩa về tích là nghĩa của Uẩn, nghĩa về lược là nghĩa của Uẩn. Nếu thi

thiết về thời gian thì thi thiết về uẩn, nếu nhiều tăng ngữ thì tăng ngữ về uẩn.

Nghĩa về tụ là nghĩa của uẩn, nghĩa là các sắc vốn có, hoặc quá khứ-hoặc vị lai-hoặc hiện tại, nói rộng ra cho đến hoặc xa, hoặc gần. Như vậy tất cả tổng hợp làm thành một tụ kiến lập làm sắc uẩn. Cho đến Thức uẩn có nghĩa về tụ cũng như vậy.

Nghĩa về hợp là nghĩa của Uẩn, nghĩa là các sắc vốn có, hoặc quá khứ, hoặc vị lai-hoặc hiện tại, nói rộng ra cho đến hoặc xa-hoặc gần. Như vậy tất cả tổng hợp làm thành một tập hợp kiến lập làm Sắc uẩn. Cho đến Thức uẩn có nghĩa về hợp cũng như vậy.

Nghĩa về tích là nghĩa của Uẩn, như các loại đồ vật tổng hợp làm thành một tập hợp kia lập làm Sắc uẩn. Cho đến Thức uẩn có nghĩa về tích cũng như vậy.

Nghĩa về lược là nghĩa của Uẩn, nghĩa là các sắc vốn có, hoặc quá khứ-hoặc vị lai-hoặc hiện tại, nói rộng ra cho đến hoặc xa-hoặc gần. Như vậy tất cả tổng hợp lược bớt một xứ kiến lập làm Sắc uẩn. Cho đến Thức uẩn có nghĩa về lược cũng như vậy.

Hỏi: Các sắc quá khứ-vị lai-hiện tại có thể lược bớt tích tụ chăng?

Đáp: Tuy không có thể lược bớt tích tụ của Thể ấy, mà có thể lược bớt tích tụ của tên gọi ấy, cho đến Thức uẩn nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy thì vô vi cũng phải kiến lập Uẩn, bởi vì tên gọi của các vô vi có thể lược bớt tích tụ?

Đáp: Các pháp hữu vi có tác dụng cho nên có nghĩa lược bớt tích tụ, tuy Thể có lúc không thể lược bớt tích tụ, mà lược bớt tích tụ của tên gọi ấy kiến lập các Uẩn như Sắc; các pháp vô vi không có tác dụng cho nên không có nghĩa lược bớt tích tụ, tuy có thể lược bớt tích tụ của tên gọi ấy, mà không có thể kiến lập làm uẩn. Nếu thi thiết về thời gian thì thi thiết về Uẩn, nghĩa là Sắc uẩn có thể thi thiết có ba đời, cho đến Thức uẩn cũng có thể thi thiết bởi vì có ba đời. Nếu nhiều tăng ngữ thì tăng ngữ về Uẩn, như nhiều tài vật gọi là Uẩn tài vật, nhiều thóc đậu gọi là Uẩn thóc đậu, nhiều quân lính gọi là Uẩn quân lính, tuy rất nhiều người không chồng vai lên nhau, mà cùng chung một công việc cho nên gọi là quân lính. Như vậy các cực vi của sắc như câu-chi, na-dữu-da... tuy cách xa nhau mà bởi vì giống nhau cho nên hợp lại kiến lập làm Sắc uẩn; cho đến Thức uẩn có vô lượng sát-na tuy cách xa nhau, mà bởi vì giống nhau cho nên hợp lại kiến lập làm Thức uẩn.

Hỏi: Nếu nhiều tăng ngữ là tăng ngữ về Uẩn, thì đó là có một cực

vi gọi là Sắc uẩn hay không?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Không phải là một cực vi có thể kiến lập Sắc uẩn, nếu kiến lập Sắc uẩn thì cần phải nhiều cực vi. Lại có người nói: Bởi vì mỗi một cực vi có tướng của Uẩn, cho nên cũng có thể phân biệt kiến lập là Sắc uẩn, nếu một cực vi không có tướng của Sắc uẩn, thì tụ tập rất nhiều cũng sẽ không phải là Uẩn. Các Luận sư A-tỳ-đạt-ma nói: “nếu quán sát Uẩn là giả tạm thì nên đưa ra cách nói này: Một cực vi là phần ít của một Giới-một xứ-một Uẩn. Nếu không quán sát Uẩn là giả tạm thì nên đưa ra cách nói này: Một cực vi là một Giới-một Xứ-một Uẩn. Như người ở tên đồng thóc lấy một hạt thóc, người khác hỏi rằng ông lấy nơi nào? người ấy nếu quán sát đồng thóc thì nên đưa ra lời Đáp này: Tôi lấy một hạt thóc ở tại đồng thóc. Nếu không quán sát đồng thóc thì sẽ đưa ra lời Đáp này. Tôi đang gom thóc. Cho đến Thức uẩn trong mỗi một sát-na, hỏi-Đáp cũng như vậy.

Như vậy, đã giải thoát về tên gọi chung của các uẩn, nay cần phải phân biệt về thứ tự của các uẩn.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn trước tiên nói đến Sắc uẩn, cho đến cuối cùng nói về Thức uẩn?

Đáp: Bởi vì tùy thuận văn từ mà giải thích biểu hiện về tướng. Lại nữa, bởi vì tùy thuận với pháp theo thứ tự người nói-người tiếp nhận-người giữ gìn. Lại nữa, bởi vì tùy thuận với pháp theo thứ tự người nói-người tiếp nhận-người giữ gìn. Lại nữa, bởi vì tùy thuận với pháp theo thứ tự thô-tế, nghĩa là trong năm Uẩn thì Sắc uẩn là thô nhất cho nên Đức Phật nói trước, ở trong bốn Uẩn thì Thọ uẩn là thô nhất cho nên nói tiếp sau Sắc.

Hỏi: Bốn Uẩn như Thọ không có phương xứ-không có hình chất, làm sao có thể nói là có thô-có tế?

Đáp: Tuy không có phương xứ-không có hình chất, mà dựa vào hành tướng để kiến lập tên gọi thô-tế. Như thế gian có nói: Tay chân tôi đau, đầu bụng tôi đau, thân thể tôi đau. Đau chính là Thọ, bởi vì Thọ giống như Sắc có thể thi thiết, cho nên đối với Uẩn không có sắc nói Thọ là thô nhất. Ở trong ba Uẩn thì Tưởng là thô nhất, các Tưởng về nam- nữ... dễ dàng biết rõ, cho nên nói tiếp sau Thọ. Ở trong hai Uẩn thì Hành uẩn là tướng thô, các tướng về tham-sân-si... dễ dàng nhận biết, cho nên nói tiếp sau Tưởng. Thức uẩn là vi tế nhất, chọn lấy toàn bộ tướng của cảnh, khó nhận biết rõ ràng cho nên nói sau cùng.

Lại nữa, từ vô thủy đến nay nam-nữ đối với sắc lại yêu thích nhau cho nên trước tiên nói về Sắc; trải qua Sắc mà yêu thích nhau do tham

cảm nhận về vị cho nên tiếp theo nói đến Thọ; tham cảm nhận vị này do ý tưởng điên đảo cho nên tiếp theo nói đến Tưởng; ý tưởng điên đảo này do phiền não sinh khởi cho nên tiếp theo nói đến Hành; tất cả phiền não dựa vào Thức mà sinh khởi các Thức nhiễm ô cho nên cuối cùng nói đến Thức.

Lại nữa, hai loại quán về sắc là cửa ngõ Cam-lồ tiến vào Phật pháp, đó là quán Bất tịnh và Trì tức niệm, cho nên trước tiên nói về Sắc. Đã quán về sắc rồi thì có thể thấy lỗi lầm của Thọ, cho nên tiếp theo nói về Thọ. Thấy lỗi lầm của Thọ rồi suy nghĩ không điên đảo, cho nên tiếp theo nói về Tưởng. Suy nghĩ không điên đảo thì phiền não không sinh khởi, cho nên tiếp theo nói về Hành. Không có phiền não cho nên Thức sẽ thanh tịnh, vì vậy cuối cùng nói về Thức.

Lại nữa, Sắc uẩn như đồ chứa, làm sở y-sở duyên cho Uẩn không có sắc, cho nên nói đến trước tiên. Thọ như ăn uống là đích thực do tham, cho nên tiếp theo nói đến Thọ. Tưởng như mùi vị hỗ trợ, do suy nghĩ điên đảo mà tham đắm các Thọ, cho nên tiếp theo nói về Tưởng. Hành như người đầu bếp, các nghiệp-piền não có thể có tạo tác, cho nên tiếp theo nói về Hành. Thức như người ăn, có thể phân biệt rõ ràng các cảnh, cho nên cuối cùng nói đến Thức.

Lại nữa, dựa vào cõi-địa cho nên nói năm Uẩn có trước-sau. Nghĩa là trong cõi Dục có tướng của các Sắc ham muốn tuyệt với hiển bày rõ ràng, cho nên trước tiên nói về Sắc; trong các Tịnh lự có tướng của các Thọ như vui mừng-yêu thích... hiển bày rõ ràng, cho nên tiếp theo nói về Thọ; Ba vô Sắc trước chọn lấy các tướng như không..., tướng của Tưởng hiện bày rõ ràng, cho nên tiếp theo nói về Tưởng; trong địa Hữu Đảnh thì Tư là tướng của Hành thù thắng nhất, hiển bày rõ ràng cho nên tiếp theo nói về Hành; bốn loại như Sắc... tức là bốn Thức trú, Thức là năng y cho nên nói đến cuối cùng.

Hỏi: Năm Uẩn hữu vi đều phải gọi là Hành, tại sao đối với một Uẩn riêng biệt kiến lập tên gọi của Hành?

Đáp: Như mười tám Giới tuy đều là pháp, mà chỉ kiến lập tên gọi Pháp giới đối với một Giới, nói rộng ra cho đến ba Bảo-ba Quy tuy đều là pháp, mà chỉ kiến lập một Pháp bảo-Pháp quy. Như vậy năm Uẩn tuy đều là Hành, mà chỉ kiến lập tên gọi Hành uẩn đối với một Uẩn cũng không có gì sai.

Lại nữa, Hành uẩn có một tên gọi, uẩn khác có hai tên gọi:

1. Tên gọi giống nhau, đó là năm loại Uẩn đều là Hành.
2. Tên gọi giống nhau và không giống nhau, tên gọi giống nhau

như trước nói, tên gọi không giống nhau đó là bốn Uẩn còn lại muốn làm cho dễ dàng hiểu rõ để hiển bày tên gọi không giống nhau, Hành uẩn lại không có tên gọi không giống nhau, cho nên chỉ hiển bày tên gọi giống nhau, vì vậy là Hành Uẩn.

Lại nữa, sinh khởi tướng sinh của tất cả các Hành chỉ do Uẩn này thâm nhiếp, cho nên một mình nó gọi là Hành uẩn. Lại nữa, bốn tướng hữu vi là ngọn cờ đánh dấu của tất cả các hành, lựa chọn phân biệt hữu vi khác với vô vi, tướng ấy chỉ do uẩn này thâm nhiếp, cho nên một mình nói gọi là Hành uẩn. Lại nữa, danh-cú-văn thân giải thích biểu hiện rõ ràng tánh tướng của các hành có tác dụng sai biệt, khiến cho dễ dàng hiểu rõ, ba loại ấy chỉ do Uẩn này thâm nhiếp, cho nên một mình nói gọi là Hành uẩn. Lại nữa, hiểu rõ tất cả các Hành đều là không-Vô ngã-không giải thoát môn, do Uẩn này thâm nhiếp cho nên một mình nó gọi là Hành uẩn.

Hỏi: Có thể chấp các hành là Ngã-Ngã sở, Tát-ca-da kiến cũng do Uẩn này thâm nhiếp, tại sao Uẩn này không gọi là Ngã uẩn?

Đáp: Tát-ca-da kiến là chấp trước hư vọng, không phi hợp với Thật tướng của các Hành mà hiểu biết, cho nên Uẩn này không kiến lập tên gọi của Ngã không giải thoát môn hiểu rõ Thật tướng của Hành, vì vậy Uẩn này dựa vào đó mà gọi là Hành.

Lại nữa, phân biệt tự tướng và cộng tướng của các Hành, an lập tự tướng và cộng tướng của các Hành, phá bỏ ngu muội về tự tánh và ngu muội về sở duyên, đối với tất cả các Hành không tăng không giảm, tuệ hiểu biết đúng như thật chỉ do Uẩn này thâm nhiếp, cho nên gọi là Hành uẩn, Uẩn khác thì không như vậy, cho nên kiến lập tên gọi riêng biệt.

Lại nữa, Uẩn này thâm nhiếp nhiều Hành cho nên gọi là Hành thâm nhiếp, nhiều Hành đó là trong Uẩn này có Hành tương ưng-bất tương ưng, Hành có sở y-không có sở y, Hành có sở duyên-không có sở duyên, Hành có hành tướng-không có hành tướng, Hành có cảnh giác-không có cảnh giác; Uẩn khác thì không như vậy, cho nên kiến lập tên gọi riêng biệt.

Lại nữa, Hành gọi là tạo tác, trong pháp hữu vi có năng lực tạo tác thì Tư là thù thắng nhất, Tư chỉ thâm nhiếp vào trong Hành uẩn này, cho nên Hành uẩn này một mình nó gọi là Hành.

Hỏi: Các tâm sở trong những Đại địa... tại sao kiến lập riêng biệt Thọ-Tướng làm Uẩn, những tâm sở pháp khác không kiến lập riêng biệt?

Đáp: Hiếp Tôn giả nói: “Chỉ riêng Đức Phật thông đạt về tánh

tướng của các pháp có tác dụng sai biệt, nếu pháp có thể một mình kiến lập Uẩn thì một mình kiến lập uẩn, nếu pháp không có thể một mình kiến lập Uẩn thì cùng nhau kiến lập Uẩn, cho nên không cần phải vặn hỏi”.

Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn dùng tướng khác-văn khác để trang nghiêm đối với nghĩa cho nên đưa ra cách nói này, nghĩa là nếu Đức Phật dùng tướng khác-văn khác để trang nghiêm đối với nghĩa thì người tiếp nhận giáo hóa sẽ vui mừng thọ trì mà không sinh ra chán ngán mệt mỏi.

Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn hiển bày hai cánh cửa-hai phương thức, hai bậc thêm-hai bước chân, hai ngọn đuốc-hai vầng sáng, hai cảnh vật-hai hình ảnh, cho nên đưa ra cách nói này, nghĩa là như Thọ-Tướng đều tách biệt kiến lập uẩn, tâm sở pháp khác hợp lại kiến lập Hành uẩn, Thọ-Tướng cũng phải hợp lại kiến lập làm Uẩn. Như vậy thì đúng ra Uẩn phải có vô lượng, hoặc chỉ có ba để hiển bày hai cánh cửa cho đến hai hình ảnh, do đó Uẩn có năm chữ không thêm-không bớt.

Lại nữa, Đức Thế Tôn muốn biểu hiện hai Môn của pháp quan trọng, vì vậy kiến lập riêng biệt Thọ-Tướng làm Uẩn, nghĩa là các tâm sở có lúc là căn tánh, có lúc không phải là căn tánh. Nếu nói Thọ tách biệt kiến lập Uẩn thì nên biết đã nói tâm sở là căn, nếu nói Tướng tách biệt kiến lập uẩn thì nên biết đã nói tâm sở không phải là căn.

Như tánh của căn-không phải là tánh của căn, tánh sáng tỏ-không phải là tánh sáng tỏ, tánh hiện thấy-không phải là tánh hiện thấy, tánh thích quán sát-không phải là tánh thích quán sát, tánh tuyệt diệu-không phải là tánh tuyệt diệu, tánh thù thắng-không phải là tánh thù thắng, tánh có thể lực-tánh không có thể lực, tánh tăng thượng-tánh không phải là tăng thượng, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, hai pháp Thọ-Tướng do hai cõi mà hiển bày cho nên tách biệt kiến lập Uẩn nghĩa là Thọ uẩn do cõi Sắc mà hiển bày, bởi vì các Thọ như Hỷ-lạc... tăng thêm ở cõi Sắc; Tướng uẩn có cõi Vô Sắc mà hiển bày, bởi vì các Tướng như không-Thức... tăng thêm ở cõi vô Sắc. Lại nữa, bởi vì hai pháp mà các sư Du-già vất vả mệt mỏi đối với hai cõi, cho nên tách biệt kiến lập uẩn, nghĩa là vì lực của Thọ mà các sư Du-già vất vả mệt mỏi đối với cõi Sắc, vì lực của Tướng cho nên các sư Du-già vất vả mệt mỏi đối với cõi vô Sắc. Lại nữa, các loài hữu tình đắm say Lạc thọ, chấp vào tướng điên đảo, luân hồi trong sinh tử nhận chịu những khổ đau ác liệt, muốn khiến cho biết rõ ràng về tai họa của hai Uẩn này, vì vậy tách biệt kiến lập Uẩn.

Lại nữa, hai pháp Thọ-Tưởng là nhân căn bản phát khởi hai tranh cãi, hơn hẳn pháp khác cho nên tách biệt kiến lập làm Uẩn, nghĩa là Thọ có thể phát khởi căn bản tranh cãi về Ái, Tưởng có thể phát khởi căn bản tranh cãi về kiến.

Như có thể phát khởi căn bản về hai tranh cãi, như vậy có thể phát khởi hai tạp nhiễm-hai giới hạn-hai mũi tên-hai lý luận-hai Ngã sở, nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, hai pháp Thọ-tưởng tách biệt kiến lập Thức trú cho nên một mình kiến lập uẩn, tâm sở pháp khác tổng hợp kiến lập Thức trú cho nên cùng nhau kiến lập Uẩn.

Lại nữa, các sư Du-già chán ghét Thọ-Tưởng mà nhập định Diệt tận, cho nên tách biệt kiến lập Uẩn. Như luận Thi Thiết nói: “Thế nào là gia hạnh đạt được định Diệt tận? Dùng phương tiện gì phát khởi định Diệt tận? Đó là người bắt đầu sự nước Thủ uẩn tập, đối với tất cả các hạnh không dụng công thực hiện, cũng không tư duy nhưng dấy lên ý niệm này: Ai chưa sinh mà Thọ-Tưởng được sinh, ai đã sinh mà Thọ-Tưởng liền diệt? Dấy lên ý niệm này rồi có thể biết đúng như thật, Diệt định chưa sinh mà Thọ-Tưởng được sinh, nếu Diệt định sinh thì Thọ-Tưởng liền diệt. Biết rồi chán ngán lia xa hai pháp Thọ-Tưởng, cho đến không sinh được định Diệt tận”.

Bởi vì loại nhân duyên như vậy, cho nên tách biệt kiến lập Thọ-Tưởng đều làm một Uẩn.

Hỏi: Vì sao vô vi không kiến lập là Uẩn?

Đáp: Bởi vì không có tướng uẩn cho nên không kiến lập và Uẩn, nghĩa là Uẩn là tướng tích tụ, vô vi không có tướng này cho nên không kiến lập là Uẩn. Lại nữa, vô vi là nơi diệt đến cùng của Uẩn cho nên không kiến lập là Uẩn, như nơi diệt đến cùng của bình chậu-áo quần thì không phải là bình chậu-áo quần... Lại nữa, các pháp hữu vi tương ứng với sinh diệt, có nhân-có duyên đạt được tướng hữu vi có thể kiến lập làm Uẩn; các pháp vô vi không tương ứng với sinh diệt, không có nhân-không có duyên-không đạt được tướng hữu vi cho nên không kiến lập làm Uẩn. Lại nữa, các pháp hữu vi thuộc về nhân-thuộc về duyên, nhân duyên hòa hợp có thể kiến lập làm Uẩn; các pháp vô vi cùng với điều này trái ngược nhau, cho nên không kiến lập làm Uẩn. Lại nữa, các pháp hữu vi là do sinh mà dấy khởi, là do lão mà suy sụp, là do vô thường mà hoại diệt, có thể kiến lập làm Uẩn, các pháp vô vi cùng với điều này trái ngược nhau, cho nên không kiến lập làm Uẩn. Lại nữa, các pháp hữu vi lưu hành ở thế gian, nhận lấy quả-mang lại quả có

những tác dụng, có năng lực hiểu rõ sở duyên, có thể kiến lập làm Uẩn, các pháp vô vi trái ngược với tướng này, cho nên không kiến lập làm Uẩn. Lại nữa, các pháp hữu vi rơi vào ba đời, tương ứng với khổ có giới hạn trước-sau, có Hạ-Trung-thượng có thể kiến lập làm Uẩn; các pháp vô vi trái ngược với tướng này, cho nên không kiến lập làm Uẩn. Lại nữa, các pháp vô vi không có tướng của năm Uẩn, không có thể kiến lập ở trong năm Uẩn này, cũng không có thể kiến lập làm Uẩn thứ sáu, bởi vì không có tướng của các Uẩn tích tụ... lại nữa, Uẩn là tướng tạo tác, các pháp vô vi không có tướng của các tạo tác, cho nên không kiến lập làm Uẩn. Lại nữa, Uẩn từ nơi khác sinh ra, các pháp vô vi không từ nơi khác sinh ra, cho nên không kiến lập làm Uẩn. Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên vô vi không phải là Uẩn.

Như trong kinh nói: “Có năm loại Uẩn công đức, đó là Giới uẩn-Định uẩn-Tuệ uẩn-giải thoát uẩn và giải thoát tri kiến uẩn”.

Hỏi: Uẩn phải có mười, làm sao nói là năm?

Đáp: Các Uẩn như Giới... kia đều thâm nhiếp ở trong năm Uẩn như Sắc... này, cho nên Uẩn chỉ có năm. Như trong kinh nói: “Tôn giả A-nan nói với các Tỳ kheo lời nói như vậy: Tôi đích thân đi theo bên cạnh Đức Phật tiếp nhận tám vạn pháp uẩn, từ các Tỳ kheo đã truyền thụ mà tiếp nhận được hai ngàn”.

Hỏi: Đức Thế Tôn đã nói rất nhiều pháp mâu, làm sao chỉ nói có năm loại như sắc...?

Đáp: Phần lớn pháp uẩn ấy đều thâm nhiếp ở trong năm loại như sắc... này, cho nên Uẩn chỉ có năm.

Hỏi: Những pháp uẩn ấy là uẩn nào thâm nhiếp?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: tất cả pháp uẩn lấy ngôn ngữ làm tự tánh, đó là nói thâm nhiếp ở trong sắc uẩn này. Có Sư khác nói: tất cả pháp uẩn lấy tên gọi làm tự tánh đó là nói thâm nhiếp ở trong Hành uẩn này, cho nên Đức Thế Tôn chỉ nói đến năm uẩn.

Hỏi: Mỗi một pháp uẩn thì tượng ấy thế nào?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: “Có pháp uẩn luận thành sáu ngàn bài tụng, mỗi một pháp uẩn đều như lượng ấy”. Lại có người nói: “Như Đức Thế Tôn nói: Uẩn-xứ-giới ăn duyên khởi của Đế chân thật, niệm trú-chánh đoạn, thần túc-căn lực, Giác chi-Đoã chi. Các loại như vậy thì mỗi một pháp môn đều là một pháp uẩn, không có thể nói chắc chắn có bao nhiêu bài tụng”. Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Mỗi một pháp uẩn có năm mươi vạn năm ngàn năm trăm năm mươi bài tụng”. Có Sư khác nói: “Mỗi một pháp uẩn có mười lăm vạn năm

ngàn năm trăm năm mươi bài tụng”. Có người khác lại nói: “ Mỗi một pháp uẩn chỉ có một vạn năm ngàn năm trăm năm mươi bài tụng”.

Lời bình: Những người ấy đều không nên đưa ra cách nói như vậy. Nên đưa ra cách nói này: hữu tình tiếp nhận giáo hóa có tám vạn hạnh, vì đối trị tám vạn hạnh ấy, cho nên Đức Thế Tôn vì hữu tình mà nói tám vạn pháp uẩn, các hữu tình ấy dựa vào tám vạn pháp uẩn mà Đức Phật đã nói để tiến vào trong Phật pháp, làm những việc cần làm đều đạt được kết quả cuối cùng.

